

Đánh giá một năm thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU: Tác động kinh tế vĩ mô và sự thay đổi chính sách

NGUYỄN ĐỨC THÀNH*

PHẠM VĂN LONG**

PHAN NHẬT QUANG***

ĐỖ THỊ LÊ****

Tóm tắt: Sau một năm Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực (8/2020 - 8/2021), tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn xuất khẩu cho thấy dấu hiệu của sự thay đổi trong mô thức thương mại giữa Việt Nam và EU. Hệ thống pháp luật Việt Nam cơ bản đã đáp ứng được những yêu cầu của EVFTA. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang đi theo chiến lược “hái quả dưới thấp” (dễ làm trước, khó làm sau) nên có thể tốc độ thay đổi (cải cách) luật pháp ở Việt Nam sẽ chậm dần so với yêu cầu của EVFTA, trong khi lợi thế của Việt Nam sẽ mất dần khi EU sẽ ký thêm FTA với các thành viên ASEAN khác. Thương mại hàng hóa theo chuỗi giá trị đóng một vai trò rất quan trọng không chỉ trong quan hệ thương mại với EU mà còn cả với các quốc gia khác trên thế giới. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải có những giải pháp chính sách mạnh mẽ và chủ động hơn, từ tiếp tục nâng cao chất lượng thể chế tới dịch chuyển cơ cấu kinh tế và cải thiện kỹ thuật sản xuất.

Từ khóa: EVFTA, xuất khẩu, nhập khẩu, thương mại tự do, chuỗi giá trị.

1. Giới thiệu

Sau mười năm đàm phán, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức có hiệu lực vào ngày 01/8/2020 trong bối cảnh cả thế giới đang phải chống chọi với đại dịch Covid-19. EVFTA được kỳ vọng sẽ là cú hích lớn cho xuất khẩu

của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông, thủy sản cũng như những mặt hàng Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh. Những cam kết về việc đối xử công bằng, bình đẳng, bảo hộ an toàn và đầy đủ cho các khoản đầu tư và nhà đầu tư trong Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) đã được EU và Việt Nam phê chuẩn, chỉ còn chờ sự phê chuẩn từ các nước thành viên EU cũng sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng môi trường pháp lý và đầu tư minh bạch trong nước, từ đó Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư hơn đến từ EU và các nước khác một cách bền vững hơn.

Bài nghiên cứu nhìn lại một năm đầu thực hiện Hiệp định EVFTA, đặc biệt trong bối cảnh

,*,*****Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Viện Konrad-Adenauer-Stiftung (KAS) tại Việt Nam. Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn bà Phạm Tố Hằng, Quản lý chương trình, Văn phòng Viện Konrad – Adenauer Stiftung (KAS) tại Việt Nam đã có những hỗ trợ và đóng góp quý báu cho nhóm nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu này.

đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới. Mặc dù vẫn có những cải thiện nhất định trong bức tranh thương mại giữa Việt Nam và EU, các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung đối diện nhiều khó khăn trong tận dụng lợi thế từ EVFTA. Bằng việc rà soát và so sánh hệ thống luật pháp Việt Nam và các điều khoản trong các chương của Hiệp định EVFTA, nhóm tác giả tiến hành phân tích những mặt hạn chế và cần bổ sung, sửa đổi của hệ thống pháp luật Việt Nam sao cho phù hợp và thỏa mãn các yêu cầu của Hiệp định. Nhóm nghiên cứu cũng áp dụng mô hình mô phỏng và dự báo PVAR và SMART nhằm bóc tách ảnh hưởng tiêu cực nặng nề của Covid-19 và tác động riêng phần của EVFTA lên nền kinh tế Việt Nam trong một năm đầu tiên EVFTA có hiệu lực. Trên cơ sở đó, bài viết thảo luận những chính sách cần lưu ý cho Việt Nam trong những năm tiếp theo.

2. Tổng quan về EVFTA

Hiệp định EVFTA gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: Thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý và thể chế.

Nhìn chung, EVFTA là một trong những FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, hứa hẹn sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam. Cụ thể, đối với thương mại hàng hóa, sau khi Hiệp định có hiệu lực vào ngày 1/8/2020, EU sẽ dỡ bỏ hàng loạt các mức thuế suất vào các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, tương đương với 85% dòng hàng, chiếm khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU. Trong vòng bảy năm tiếp theo, EU sẽ tiếp tục xóa bỏ thuế xuất khẩu đối với 99,2% các dòng hàng, tương đương với 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim

ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0% (VCCI, 2020).

Đối với hàng xuất khẩu của EU, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập khẩu). Tiếp đó, sau bảy năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau mười năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, Việt Nam áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn mười năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO (VCCI, 2020).

3. EVFTA và hệ thống pháp luật tại Việt Nam

Các báo cáo rà soát Pháp luật Việt Nam với EVFTA của Trung tâm WTO và Hội nhập được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thu Trang (2016) cho thấy hệ thống pháp luật của Việt Nam liên quan đến các lĩnh vực nêu trên cơ bản đã đầy đủ, nhưng vẫn còn một số bất cập liên quan đến các luật chuyên ngành và đặc biệt là những lưu ý liên quan đến vấn đề thực thi pháp luật. Trong đó đáng lưu ý nhất là những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ khi mà vẫn còn sự khác biệt trong các quy định cũng như cách hiểu khác nhau giữa hai bên.

Về cơ bản, EVFTA là hiệp định thương mại thế hệ mới. Khác với cách tiếp cận của các FTA trước, chỉ đơn thuần về các quy ước về tự do thương mại và đầu tư, các FTA thế hệ mới yêu cầu sự hợp tác giữa hai bên tham gia trong mọi lĩnh vực liên quan, bao gồm cả thể chế, luật pháp và chất lượng môi trường. Do đó, để đảm bảo cho việc tận dụng tối đa lợi ích từ hiệp định thương mại, Việt Nam cần phải chỉnh sửa và bổ sung về mặt pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng các điều khoản trong Hiệp định EVFTA.

Việt Nam đang đi theo chiến lược “dễ làm trước, khó làm sau” (hay nói theo cách của người phương Tây, là quả nào dưới thấp thì hái trước) nên có thể dự báo tốc độ thay đổi (cải cách) luật pháp ở Việt Nam sẽ chậm dần so với yêu cầu của EVFTA. Cần ý thức một thực tế

ràng, cải cách của Việt Nam nhằm đáp ứng đòi hỏi của EVFTA sẽ ngày càng khó và chậm hơn, trong khi đó, lợi thế tương đối của Hiệp định này cho Việt Nam đối với các nước trong khu vực sẽ ngày càng giảm đi nhanh hơn.

4. Việt Nam trong năm đầu thực hiện EVFTA (1/8/2020-1/8/2021)

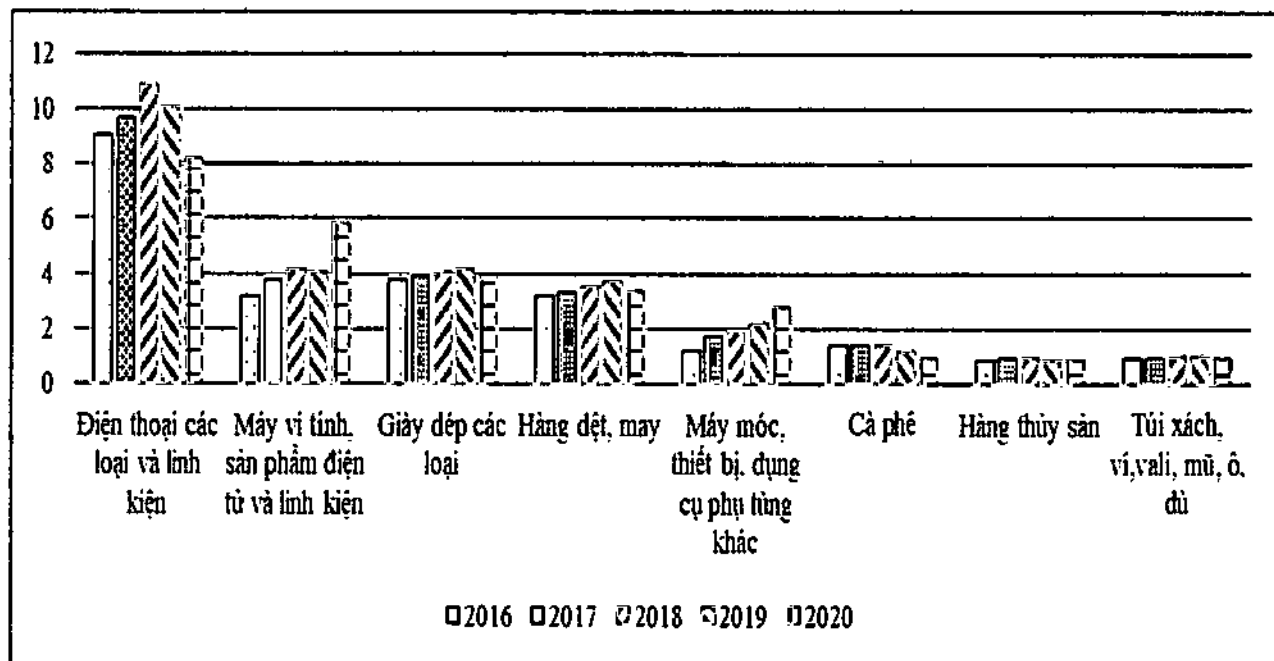
4.1. Hoạt động thương mại và đầu tư của Việt Nam sau một năm EVFTA có hiệu lực

Xuất khẩu

Sau một năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (từ ngày 01/08/2020 đến ngày 01/08/2021), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đã đạt 39,75 tỷ USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng này nhờ vào sự

hồi phục của nền kinh tế EU trong quý 2 của năm 2021. Đồng thời, tác động của việc giảm thuế quan đối với các mặt hàng của Việt Nam vào thị trường EU giúp thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng được hưởng lợi từ EVFTA. Năm 2020, Việt Nam đã vượt qua Ấn Độ để trở thành một trong mười nước có giá trị xuất khẩu cao sang thị trường EU. Đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU trong năm 2020, hầu hết đều có kim ngạch xuất khẩu giảm do tác động của Covid-19. Riêng với mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện và máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác lại có kim ngạch xuất khẩu tăng. Đặc biệt mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng hơn 13,5% so với năm 2019 và đạt gần 5,8 tỷ USD.

Hình 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao sang thị trường EU qua các năm (đơn vị: tỷ USD)

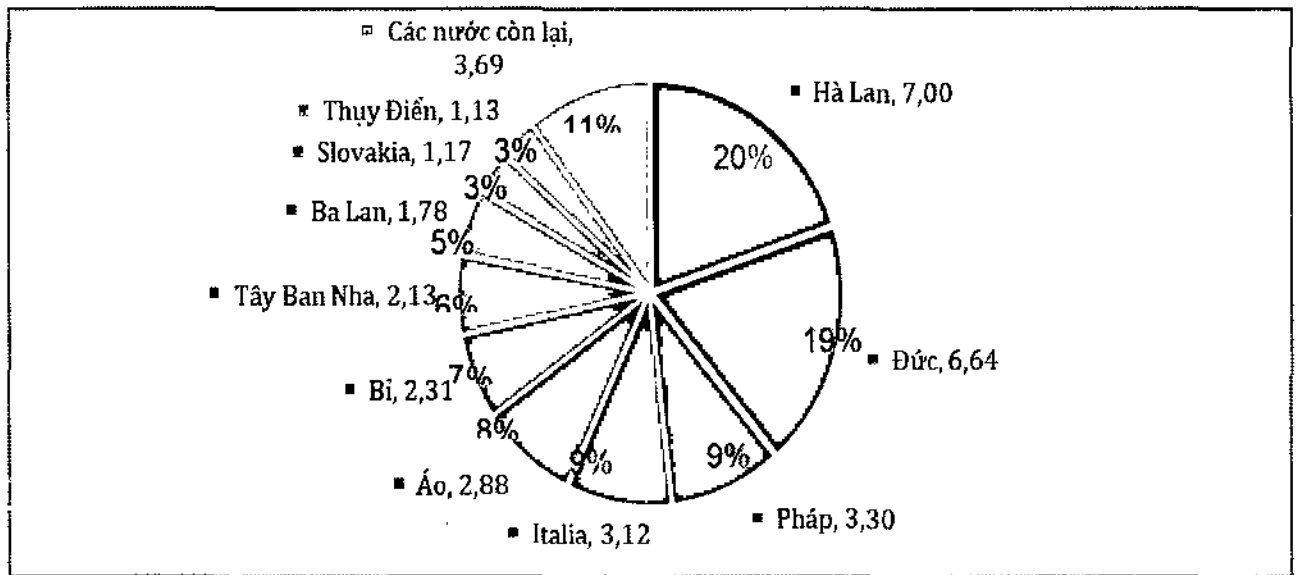


Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2021).

Trong số 27 quốc gia thuộc EU, Hà Lan và Đức là hai thị trường mà Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu cao trong năm 2020. Trong đó, thị trường Hà Lan đã nhập khẩu lượng hàng hóa khoảng 7 tỷ USD, chiếm 20% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2020. Thị trường Đức nhập khẩu khoảng 6,64

tỷ USD hàng hóa Việt Nam, chiếm 19% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu. Sự kiện Brexit khiến Anh rời EU vào đầu năm 2020 đã giúp cho Pháp trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ ba đối với các hàng hóa của Việt Nam với thị phần hơn 9%, tương ứng với 3,3 tỷ USD trong năm 2020.

Hình 2: Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EU trong năm 2020 (đơn vị: tỷ USD, %)



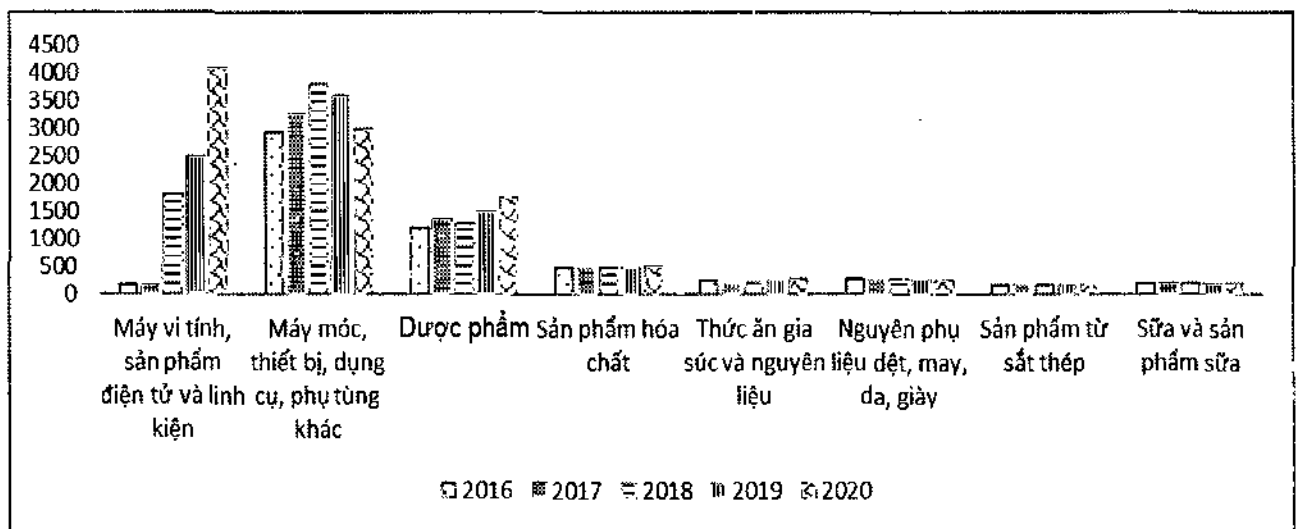
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2021).

Nhập khẩu

Có một hiện tượng đáng lưu ý sau một năm ký EVFTA diễn ra trên thị trường nhập khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường các nước EU đạt 16,51 tỷ USD, tăng hơn 24% so với một năm trước khi EVFTA có hiệu lực. Tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn xuất khẩu cho thấy dấu hiệu của sự thay đổi trong mô thức thương mại giữa Việt

Nam và EU theo hướng giảm thặng dư thương mại. Tuy nhiên, thặng dư thương mại giảm không có nghĩa rằng Việt Nam đang gặp bất lợi trong quan hệ thương mại với EU. Do ảnh hưởng của Covid-19 nên trong ngắn hạn chưa thể khẳng định được việc giảm thặng dư thương mại có phải là xu thế thực tế hay không, và cần phải có thêm thời gian để nhận định về hiện tượng này, cùng những tác động gián tiếp của nó.

Hình 3: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường EU, 2016 - 2020 (đơn vị: triệu USD)



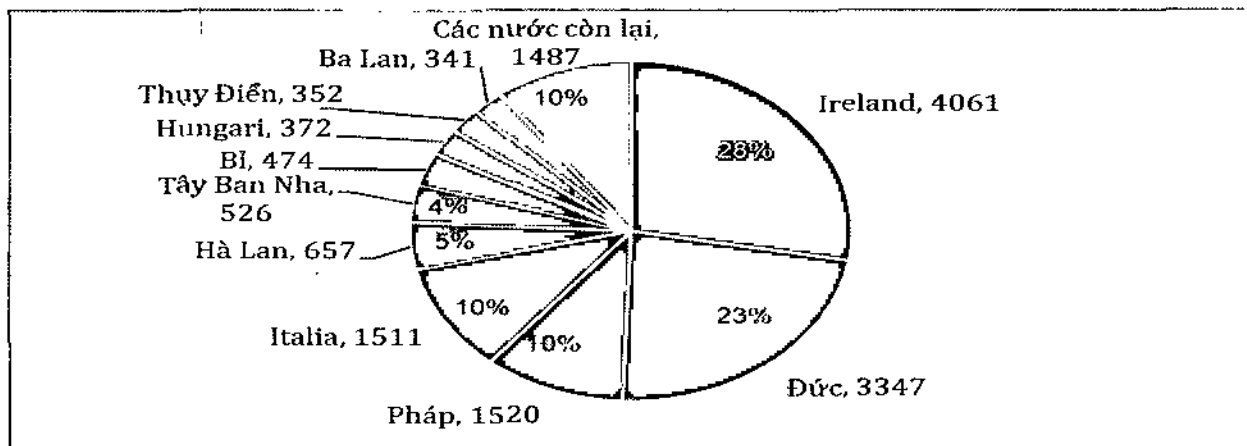
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2021).

Ireland hiện đang là nước mà Việt Nam nhập khẩu hàng hóa nhiều nhất từ EU. Điều này diễn ra cả trước và sau khi EVFTA có hiệu lực. Năm 2020, Việt Nam nhập khẩu 4,06 tỷ USD hàng hóa từ Ireland, trong đó chủ yếu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (3,8 tỷ USD); được phẩm (111 triệu USD) và máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (40 triệu USD). Với việc EVFTA được ký kết, hoạt động thương mại

hàng hóa giữa Việt Nam với EU được kỳ vọng sẽ trở nên đa dạng và thuận tiện hơn so với trước đây, nhưng cũng cần hiểu rằng mô thức thương mại bị định hình bởi các chuỗi giá trị toàn cầu do các tập đoàn xuyên quốc gia kiểm soát. Điều này có ý nghĩa quan trọng để hiểu được thuận lợi cũng như rủi ro của mối quan hệ thương mại trong EVFTA (cũng như thương mại toàn cầu nói chung).

Hình 4: Tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ các nước EU trong năm 2020

Đơn vị: triệu USD, %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2021).

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Xét trên khía cạnh đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), lũy kế tổng cộng đến hết tháng 9/2021, các nước EU đầu tư sang Việt Nam 2.249 dự án (chiếm tỉ trọng 6,59%) với tổng vốn đăng ký đạt 22,27 tỷ USD (chiếm tỉ trọng 5,52%). Kể từ khi Hiệp định có hiệu lực cho đến ngày 01/08/2021, dưới tác động của đại dịch Covid-19 đến việc di chuyển qua lại giữa hai bên đã khiến cho việc đầu tư bị tổn thất nặng. Trong đó, tổng số dự án cấp mới của các quốc gia thuộc EU chỉ đạt 151 dự án kể từ khi EVFTA có hiệu lực, giảm 21,35% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký mới sau một năm EVFTA có hiệu lực đạt 423 triệu USD, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Với dòng vốn góp mua cổ phần, số lượt góp vốn đạt 316 lượt với tổng giá trị góp vốn là 428 triệu USD, giảm đến 45,8% đối với số lượt góp vốn và giảm 31,5% đối với giá trị góp vốn. Tổng vốn đăng ký FDI từ các nước EU đạt hơn một tỷ USD

trong giai đoạn tháng 08/2020 – 08/2021, giảm hơn 38,2% so với cùng kỳ năm trước.

4.2. Ước tính tác động của EVFTA đến trị giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

Nghiên cứu này sử dụng số liệu xuất khẩu từ Tổng cục Hải quan từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 7 năm 2021 để phân tích. Vì Hiệp định EVFTA có hiệu lực vào ngày 1/08/2020, nhằm thuận tiện cho việc phân tích và đánh giá, chúng tôi quy ước thời điểm bắt đầu một năm vào ngày 1 tháng 8 và kết thúc vào ngày 31 tháng 7 của năm sau.

Ước lượng giá trị xuất khẩu của các mặt hàng với giả định chưa có Covid-19 và EVFTA chưa được ký kết:

Một trong những phương pháp dùng để dự báo dữ liệu mảng được sử dụng rộng rãi bởi các nhà kinh tế và thống kê học có uy tín là mô hình

PVAR (panel vector autoregression). Các nghiên cứu sử dụng PVAR để dự báo các chỉ số vĩ mô của một tập hợp quốc gia (Canova và Ciccarelli, 2004; Dees và Güntner, 2017), kinh tế môi trường (Magazzino, 2017; Charfeddine, Lanouar và Kahia, 2019), và thương mại quốc tế (Fauzel và cộng sự, 2014; Fauzel, 2016). Với sự tương đồng với các nghiên cứu trên, nhóm nghiên cứu sử dụng mô hình PVAR để tính toán giá trị của các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường EU trong năm 2020.

Dựa trên nghiên cứu của Charfeddine và Kahia (2019), nhóm nghiên cứu xây dựng mô hình để dự báo có dạng như sau:

$$Y_{it} = \sum_{j=1}^N B_{it}^j Y_{jt-1} + D_{it}z_t + U_{it}$$

Bảng 1: Giá trị ước lượng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU (01/8/2020 - 31/7/2021) trong điều kiện bình thường (chưa loại bỏ thuế quan theo EVFTA và không có Covid-19)

Loại hàng hóa	Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)
Hàng điện tử (máy tính, điện thoại di động, ...)	18,76
Giày, dép	6,63
Quần áo và hàng may mặc	4,88
Máy móc, thiết bị cơ khí	3,30
Cà phê, chè và gia vị	1,32
Đồ nội thất	1,31
Các sản phẩm từ da thuộc	1,22
Các loại quả và quả hạch	0,85
Hàng hóa thủy sản	0,75
Các sản phẩm hóa chất khác	0,73
Máy ảnh, máy quay phim và phụ kiện	0,73
Các sản phẩm từ sắt hoặc thép	0,68
Hàng hóa khác	4,31
Tổng	45,46

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ mô hình PVAR.

Trong đó:

- i và j lần lượt là mặt hàng thứ i và j
- D_{it} là ma trận $G_p \times q$
- U_{it} là ma trận nhiễu

Kết quả tính toán sau khi sử dụng mô hình trên cho thấy tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU trong năm 2021 với giả định không có tác động của Covid-19 và đạt hơn 45,46 tỷ USD. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xuất khẩu sang thị trường EU. Cụ thể, điện thoại các loại và linh kiện chiếm hơn 23%, đạt 10,5 tỷ USD; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 20%, đạt 9,1 tỷ USD; Giày, dép đạt 4,8 tỷ USD và chiếm 14,5%; Hàng may mặc chiếm 10,7% tổng kim ngạch xuất khẩu với trị giá hơn 4,8 tỷ USD.

Mô phỏng thương mại giữa Việt Nam và EU với mô hình SMART với giả định Covid-19 chưa tồn tại và Hiệp định EVFTA đã được ký kết và có hiệu lực:

Mô hình SMART là một công cụ để mô phỏng các tình huống thay đổi thuế quan giữa các nước tận dụng cơ sở dữ liệu thương mại, thuế quan của Hệ thống phân tích thông tin thương mại (TRAINS), được World Bank công bố và cho phép sử dụng rộng rãi kể từ năm 2005 nhằm giúp các nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách có thêm công cụ phân tích và đánh giá tác động của thuế quan lên thương mại một cách dễ dàng.

Một số giả định của mô hình SMART (Jammes và Olarreaga, 2005) là:

1. Không có hiệu ứng thu nhập do cân bằng một phần (Partial Equilibrium).

2. SMART dựa trên giả định của Armington để lập mô hình hành vi của người tiêu dùng. Đặc biệt, cách tiếp cận mô hình được áp dụng dựa trên giả định về sự thay thế không hoàn hảo giữa các nguồn nhập khẩu khác nhau.

3. Cung xuất khẩu là co giãn hoàn toàn. Đồng nghĩa với giá thế giới của từng mặt hàng được cố định.

Việc tính toán giá trị xuất khẩu đối với các mặt hàng của Việt Nam sang thị trường EU được thể hiện trong hệ phương trình sau:

$$\begin{cases} TC_{ij} = \varepsilon_{ij} M_{ij} \frac{dt_{ij}}{(1 + t_{ij})} \\ \varepsilon_{ij} = \frac{dM_{ij}/M_{ij}}{dp_{ij}^d/p_{ij}^d} \\ X'_{ik} = TC_{ij} + M_{ij} \end{cases}$$

Trong đó:

TC_{ij} là tạo lập thương mại của hàng hóa i tại EU

ε_{ij} là độ co giãn của xuất khẩu hàng hóa i tại EU,

t_{ij} là thuế nhập khẩu của hàng hàng hóa i mà EU quy định,

X'_{ik} là giá trị xuất khẩu của Việt Nam sau khi thay đổi thuế quan

Kết quả tính toán của nhóm nghiên cứu cho thấy tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sau khi EVFTA có hiệu và Covid-19 chưa xuất hiện đạt hơn 51 tỷ USD. Trong đó, các ngành xuất khẩu chủ lực sang EU đều tăng mạnh. Cụ thể, giá trị xuất khẩu ngành hàng điện tử (máy tính, điện thoại di động, ...) tăng 18,1% sau khi loại bỏ thuế quan, đạt hơn 22,1 tỷ USD; ngành hàng giấy, dệt đạt 7,5 tỷ USD và tăng 13,6%; Ngành hàng quần áo và hàng may mặc đạt 5,8 tỷ USD, tăng 19,6% sau khi thuế suất nhập khẩu của mặt hàng này giảm từ 3 - 12% xuống còn 0% khi EVFTA có hiệu lực. Một số ngành hàng có giá trị xuất khẩu cao nhưng đã được hưởng mức thuế suất nhập khẩu 0% trước khi EVFTA có hiệu lực bao gồm: Các loại máy móc, thiết bị cơ khí (giá trị xuất khẩu đạt 3,26 tỷ USD); Các sản phẩm từ sắt hoặc thép (đạt 3,8 tỷ USD).

Việc gỡ bỏ một hoặc toàn phần thuế quan đến các mặt hàng đã giúp cho tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU đã có thể tăng hơn 5,5 tỷ USD (trong điều kiện không có Covid-19). So với bối cảnh thực tế, kết quả mô phỏng cho thấy tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU tăng hơn 11 tỷ USD. Với giả định phía cầu không có sự thay đổi, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU vẫn tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, mô hình mô phỏng bên trên dựa trên những giả định trong môi trường lý tưởng. Do đó, các kết quả tính toán này chỉ mang tính tham khảo và chưa đủ cơ sở để đưa ra các khuyến nghị về mặt chính sách.

Bảng 2: Giá trị ước lượng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU (01/8/2020 - 31/7/2021) khi áp dụng biểu thuế mới theo EVFTA (trong điều kiện không có COVID-19)

Loại hàng hóa	Trị giá xuất khẩu ước tính (tỷ USD)
Hàng điện tử (máy tính, điện thoại di động, ...)	22,17
Giày, dép	7,53
Quần áo và hàng may mặc	5,84
Máy móc, thiết bị cơ khí	3,27
Cà phê, chè và gia vị	1,31
Đồ nội thất	1,30
Các sản phẩm từ da thuộc	1,23
Hàng hóa thủy sản	0,92
Các loại quả và quả hạch	0,85
Các sản phẩm hóa chất khác	0,74
Máy ảnh, máy quay phim và phụ kiện	0,72
Các sản phẩm từ sắt hoặc thép	0,67
Hàng hóa khác	4,50
Tổng	51,04

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ mô hình SMART.

4.3. Một số thách thức chính đối với Việt Nam sau khi gia nhập EVFTA

Cải cách thể chế và cải thiện kỹ thuật sản xuất

Song song với những lợi ích to lớn mà Hiệp định EVFTA mang lại cho Việt Nam trên khía cạnh kinh tế - xã hội và cải cách thể chế là những thách thức mà Việt Nam sẽ đối mặt trong việc cải cách cơ cấu kinh tế và kỹ thuật sản xuất để tận dụng tối đa lợi ích từ EVFTA. Ngoài ra, các ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam hiện đang sử dụng giá trị gia tăng từ nước ngoài cao hơn giá trị gia tăng được tạo ra trực tiếp trong nước, đặc biệt khoảng chênh lệch này càng lớn đối với những ngành sản xuất yêu cầu các yếu tố về công nghệ - kỹ thuật như hàng điện tử và ngành sản xuất ô tô. Xét về yêu cầu vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SBS), tình trạng các nhà xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam không đạt yêu cầu tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu đã làm cho giảm uy tín vị thế xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường.

Nguy cơ cạnh tranh từ các nước trong khối ASEAN

Ngoài Việt Nam và Singapore là hai quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đã ký kết FTA,

hiện tại EU cũng đang đàm phán FTA với các quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Philippines và Indonesia. Đây đều là các quốc gia cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong việc xuất khẩu hàng hóa sang khu vực EU. Đặc biệt là một số mặt hàng liên quan đến linh kiện, thiết bị điện tử, dệt may và hoa quả nhiệt đới. Việt Nam đang là nước dẫn đầu trong thương mại hai chiều với EU, có thể coi như một cửa ngõ (gateway) của EU vào Đông Nam Á và có thể là cả Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu như Việt Nam không tận dụng được cơ hội là người đi trước trong quan hệ thương mại với EU thì trong tương lai sẽ phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh đến từ các quốc gia láng giềng trong khu vực Đông Nam Á.

5. Kết luận

Năm đầu tiên thực hiện EVFTA lại là năm Việt Nam, EU và cả thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề của Covid-19, do đó, kết quả thương mại tổng thể do EVFTA mang lại có thể bị che khuất bởi hậu quả của đại dịch. Việt Nam đang là nước dẫn đầu trong thương mại hai chiều với EU, có thể coi như một cửa ngõ (gateway) của EU vào

Đông Nam Á và có thể là cả Trung Quốc. Nhưng lợi thế này không phải là mãi mãi khi mà EU đang đàm phán FTA với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á. Để có thể đạt được những lợi ích lâu dài và bền vững từ EVFTA, việc tuân thủ, thực thi và bảo vệ một cách thực chất các cam kết trong EVFTA, đặc biệt là vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò vô cùng quan trọng. Thay vì những lợi ích trước mắt từ tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu hay dịch vụ, Việt

Nam cần hiểu rõ sự hạn chế của chiến lược “hái quả dưới thấp”. Nói cách khác, nếu chỉ dừng lại ở những cải cách đơn giản, mà né tránh hoặc trì hoãn những cải cách mạnh mẽ - và khó khăn hơn - thì những lợi thế hiện có của Việt Nam như một trong những thành viên đầu tiên của ASEAN (chỉ sau Singapore) ký FTA với EU, sẽ phai nhạt nhanh chóng. Đây là điều mà bộ máy lập pháp và người làm chính sách cần lưu ý để phát huy tốt nhất những gì đã đạt được từ EVFTA♦

Tài liệu tham khảo:

1. Canova, F., & Ciccarelli, M. (2004): *Forecasting and turning point predictions in a Bayesian panel VAR model*. Journal of Econometrics, Vol. 120 (2): 327-359.
2. Charfeddine, L., & Kahia, M. (2019): *Impact of renewable energy consumption and financial development on CO₂ emissions and economic growth in the MENA region: a panel vector autoregressive (PVAR) analysis*. Renewable energy, Vol. 139: 198-213
3. Dées, S., & Güntner, J. (2017): *Forecasting inflation across Euro area countries and sectors: A panel VAR approach*. Journal of Forecasting, Vol. 36 (4): 431-453.
4. Eurostat (2021): *Data Bank: Foreign trade*. Truy cập vào ngày 10/12/2021 từ https://www.en.eurostat.eu/bancopx/english/id_4111/indiceRR.html
5. Fauzel, S., Seetanah, B., and Sannasse, R. V. (2014): *A PVAR approach to the modeling of FDI and spill overs affects in Africa*. International Journal of Business and Economics, Vol. 13 (2).
6. Fauzel, S. (2016): *Modeling the relationship between FDI and financial development in small island economies: A PVAR approach*. Theoretical Economics Letters, 6, 367-375. doi: 10.4236/tel.2016.63041.
7. Magazzino, C. (2017): *“Economic growth, CO₂ emissions and energy use in the South Caucasus and Turkey: a PVAR analyses”*. International Energy Journal, Vol. 16 (4).
8. Nguyễn Thị Thu Trang (2016): *Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU*. NXB Công Thương.
9. Jammes, O., & Olarreaga, M. (2005): *Explaining smart and GSI*. The World Bank.
10. World Bank (2018): *Taking Stock, December 2018: An Update on Vietnam's Recent Economic Developments*. Hà Nội.
11. VCCI (2020): *Tóm lược Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu*. Truy cập ngày 10/12/2021, <https://www.trungtamwto.vn/file/20205/twto-tom-luoc-chung-ve-evfta.pdf>

Thông tin tác giả:

PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC THÀNH	<i>Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam</i>
<i>Email:</i>	<i>thanh.nguyenduc@vess.org.vn</i>
Th.S. PHẠM VĂN LONG	<i>Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam</i>
PHAN NHẬT QUANG	
ĐỖ THỊ LÊ	<i>Trợ lý nghiên cứu, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam</i>